

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 282/2020/HS-ST  
Ngày: 23-9-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH**

**- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thu Định.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 293/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 293/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Đức Minh N** - sinh năm 1992 tại: Tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 66 đường N, phường X, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức B và bà Đặng Thị N1; có vợ Trần Thanh T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” kể từ ngày 01-9-2020 ; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Mai Khả T1, sinh năm 1982; nơi cư trú: Xóm 3, xã A, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị Mai Thị Thanh H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 6/5/114 đường K, phường T, thành phố Đ, tỉnh Nam Định. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Phan Trung K, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số 29 đường T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Nam Định. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Anh Trần Văn H1, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định. Vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm ổn định nên từ tháng 4/2019, Vũ Đức Minh N đã nảy sinh ý định cho những người có nhu cầu vay tiền lấy lãi suất cao để hưởng lợi bất chính nhưng không mở cửa hàng và không đăng ký kinh doanh. N dùng số tiền 50.000.000 đồng là tiền gốc để cho khách vay với mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; 7.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương đương với mức lãi suất 109,5%/năm; 182,5%/năm; 255,5%/năm và cứ định kỳ 10 ngày hoặc 01 tháng khách vay phải trả tiền lãi cho N. Thông qua các mối quan hệ xã hội, bạn bè, họ hàng, N tự giới thiệu hoạt động cho vay của mình để khách vay tự tìm đến nhà hoặc liên hệ trực tiếp với N để vay tiền. N yêu cầu khách vay phải đặt lại giấy tờ cá nhân để làm tin và tự viết giấy vay tiền cho N có ghi đầy đủ thông tin cá nhân, số tiền vay, ngày vay theo mẫu N đã soạn từ trước. Trên các giấy vay tiền đều không ghi lãi suất mà chỉ thỏa thuận miệng, thời gian vay tiền có thể kéo dài từ 10 ngày đến hơn một năm tùy thuộc vào khả năng thanh toán của người vay. Nếu trong quá trình vay, khách trả được một phần tiền gốc đã vay thì N tiếp tục tính lãi đối với số tiền vay còn lại cho đến khi khách vay trả đủ số tiền vay ban đầu.

Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên ngày 28-8-2020, Vũ Đức Minh N đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định tự thú về hành vi cho vay lãi nặng của bản thân đồng thời giao nộp 04 giấy vay nợ và khai nhận từ ngày 29-4-2019 đến ngày 20-8-2020 N đã cho 04 người vay tiền, cụ thể như sau:

**\* Trường hợp 1:** Anh Mai Khả T1 vay của Vũ Đức Minh N 02 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 29-4-2019, anh T1 vay của N số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất 7.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Từ ngày 29-4-2019 đến ngày 25-9-2019 là 150 ngày, định kỳ 10 ngày 01 lần anh T1 đã trả lãi đầy đủ cho N tổng số tiền là 10.500.000 đồng.

- Lần 2: Đến ngày 26-9-2019, anh T1 vay thêm của N số tiền 5.000.000 đồng. Do lần vay trước anh T1 vẫn chưa trả cho N số nợ gốc 10.000.000 đồng nên tổng số tiền nợ gốc anh T1 nợ N là 15.000.000 đồng. Từ ngày 26-9-2019 đến ngày 20-8-2020 là 330 ngày anh T1 đã trả đầy đủ số tiền lãi cho N tổng số tiền là: 34.650.000 đồng. Đối với số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng anh T1 chưa trả cho N.

Qua 02 lần, N đã cho anh T1 vay tổng số tiền 15.000.000 đồng. N đã thu được tổng số tiền lãi từ anh T1 là 45.150.000 đồng. Trong đó: Số tiền lãi bằng 20%/năm của tổng số tiền vay là 3.534.000 đồng; số tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự mà N chiếm hưởng bất hợp pháp là 41.616.000 đồng.

**\* Trường hợp 2:** Ngày 06-7-2019, chị Mai Thị Thanh H vay của Vũ Đức Minh N 01 lần số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000

đồng/ngày, định kỳ 10 ngày 01 lần chị H trả lãi đầy đủ cho N. Từ ngày 06-7-2019 đến ngày 18-8-2020, tổng cộng là 410 ngày, nhưng thời gian từ tháng 1/2020 đến tháng 4/2020 (= 90 ngày) do không có tiền trả lãi nên N không tính lãi cho chị H. Tổng số tiền lãi chị H đã trả cho N là 16.000.000 đồng tương ứng với 320 ngày, tính lãi từ ngày 06-7-2019 đến ngày 18-8-2020 (Đã trừ 90 ngày N đồng ý không tính lãi cho chị H từ tháng 1/2020 đến tháng 4/2020). Số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng chị H chưa trả cho N.

Qua việc cho chị Hà vay số tiền 10.000.000 đồng, N đã thu được tổng số tiền lãi từ chị H là 16.000.000 đồng. Trong đó: Số tiền lãi bằng 20%/năm của tổng số tiền vay là 1.753.000 đồng; số tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự mà N chiếm hưởng bất hợp pháp là 14.247.000 đồng.

**\* Trường hợp 3:** Ngày 08-7-2019, anh Phan Trung K vay của Vũ Đức Minh N 01 lần số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi suất 7.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày.

- Từ ngày 08-7-2019 đến ngày 03-3-2020 là 240 ngày, định kỳ 10 ngày 01 lần anh K đã trả cho N tổng số tiền lãi là 33.600.000 đồng.

- Từ ngày 03-3-2020 đến 29-4-2020, do tình hình dịch Covid khó khăn nên N đã đồng ý không tính lãi cho anh K.

- Từ ngày 29-4-2020, N đã giảm tiền lãi xuống cho anh K với mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày và trả lãi vào ngày 29 hàng tháng, mỗi tháng tính tròn 30 ngày. Ngày 29-5-2020, anh K trả cho N 1.800.000 đồng tiền lãi tương ứng với 30 ngày lãi (từ ngày 29-4-2020 đến ngày 29-5-2020) và trả 4.200.000 đồng tiền nợ gốc. Như vậy, tính từ ngày 29-5-2020, số tiền nợ gốc anh K nợ N là 15.800.000 đồng.

- Ngày 29-6-2020, anh K trả cho N 1.400.000 đồng tiền lãi tương ứng với 30 ngày lãi của 15.800.000 đồng tiền nợ gốc và trả 4.600.000 đồng tiền nợ gốc. Tính từ ngày 29-6-2020, số tiền nợ gốc anh K nợ N là 11.200.000 đồng.

- Ngày 29-7-2020, anh K trả cho N 1.000.000 đồng tiền lãi tương ứng với 30 ngày lãi của 11.200.000 đồng tiền nợ gốc và trả 5.000.000 đồng tiền nợ gốc. Tính từ ngày 29-7-2020, số tiền nợ gốc anh K nợ N là 6.200.000 đồng.

- Từ ngày 29-7-2020 đến nay, anh K chưa trả thêm cho N số tiền nào khác.

Qua việc cho anh K vay số tiền 20.000.000 đồng, N đã thu được tổng số tiền lãi là 37.800.000 đồng. Trong đó: Số tiền lãi bằng 20%/năm của tổng số tiền vay là 3.403.000 đồng, số tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự mà N chiếm hưởng bất hợp pháp là 34.397.000 đồng.

**\* Trường hợp 4:** Ngày 09-10-2019, anh Trần Văn H1 vay của Vũ Đức Minh N 01 lần số tiền 5.000.000 đồng với mức lãi suất 7.000 đồng/1.000.000/ngày. N lấy trước số tiền lãi 350.000 đồng của 10 ngày và đưa cho anh H1 số tiền 4.650.000 đồng. Đến ngày 19-10-2019, do không còn nhu cầu vay tiền N nên anh H1 đã trả cho N số tiền 5.000.000 đồng.

Qua việc cho anh H1 vay số tiền 5.000.000 đồng, N đã thu được số tiền lãi là 350.000 đồng. Trong đó: Số tiền lãi bằng 20%/năm của tổng số tiền vay là 27.000 đồng, số tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự mà N chiếm hưởng bất hợp pháp là 323.000 đồng.

Như vậy, Vũ Đức Minh N đã cho 04 người trên vay tổng số tiền là 50.000.000 đồng với mức lãi suất là 109,5%/năm; 182,5 %/năm và 255,5%/năm (gấp 5,45 lần; 9,13 lần và 12,78 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự là 20%) thu được tổng số tiền lãi là 99.300.000 đồng. Trong đó: số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 20%/năm của tổng số tiền vay tương đương là 8.717.000 đồng; số tiền lãi N đã chiếm hưởng bất hợp pháp là 90.583.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Vũ Đức Minh N đã khai nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của mình như trên.

Vũ Đức Minh N đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra tổng số tiền 118.100.000 đồng là toàn bộ số tiền lãi và nợ gốc Nam đã thu được, trong đó: số tiền 18.800.000 đồng là số tiền gốc anh Phan Trung K, anh Trần Văn H1 đã trả cho Nam; số tiền 99.300.000 đồng là toàn bộ số tiền lãi anh Mai Khả T1, chị Mai Thị Thanh H, anh Phan Trung K, anh Trần Văn H1 đã trả cho Nam (Trong đó: số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 20%/năm của tổng số tiền vay là 8.717.000 đồng, số tiền lãi N đã chiếm hưởng bất hợp pháp là 90.583.000 đồng).

Sau khi xác định anh Mai Khả T1, chị Mai Thị Thanh H, anh Phan Trung K và anh Trần Văn H1 vay tiền của Nam đều không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp, cơ quan điều tra đã tiến hành trả lại số tiền lãi bất hợp pháp mà N đã chiếm hưởng cho từng người. Cụ thể như sau: Trả lại cho anh Mai Khả T1 số tiền 41.616.000 đồng; trả lại cho chị Mai Thị Thanh H số tiền 14.247.000 đồng; trả lại cho anh Phan Trung K số tiền 34.397.000 đồng; trả lại cho anh Trần Văn H1 số tiền 323.000 đồng. Anh Mai Khả T1, chị Mai Thị Thanh H, anh Phan Trung K và anh Trần Văn H1 đã nhận đầy đủ số tiền lãi bất hợp pháp mà N đã chiếm hưởng và không có quan điểm đề nghị gì khác.

Đồng thời, cơ quan điều tra đã thu giữ được số tiền gốc mà những người vay chưa trả Nam là 31.200.000 đồng, cụ thể: Thu của anh Mai Khả T1 số tiền 15.000.000 đồng; thu của chị Mai Thị Thanh H số tiền 10.000.000 đồng; thu của anh Phan Trung K số tiền 6.200.000 đồng.

Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 292/QĐ-VKSTPNĐ ngày 15-9-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố bị cáo Vũ Đức Minh N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Vũ Đức Minh N tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Do đó, Viện

kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo thủ tục rút gọn và đề nghị Tòa án tuyên bố bị cáo Vũ Đức Minh N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, i, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Đức Minh N từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Xử lý vật chứng đã thu giữ theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Vũ Đức Minh N nói lời sau cùng: Xin Tòa án giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vũ Đức Minh N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo Vũ Đức Minh N phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 29-4-2019 đến ngày 20-8-2020, Vũ Đức Minh N đã có hành vi cho 04 người là anh Mai Khả T1, chị Mai Thị Thanh H, anh Phan Trung K và anh Trần Văn H1 vay tổng số tiền là 50.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương mức lãi suất 109,5%/năm); 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương mức lãi suất 182,5 %/năm) đến 7.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 255,5%/năm), thu được tổng số tiền lãi là 99.300.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi theo mức cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm của tổng số tiền vay tương đương là 8.717.000 đồng, số tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự là 90.583.000 đồng. Hành vi của bị cáo Vũ Đức Minh N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Lãi suất bị cáo Vũ Đức Minh N cho vay là 109,5%/năm, 182,5 %/năm đến 255,5%/năm, vượt quá 05 lần của mức lãi suất cao nhất 20%/năm quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; số tiền lãi bị cáo thu lợi bất chính là 90.583.000 đồng nên bị cáo đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Vũ Đức Minh N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự thú và tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra toàn bộ số tiền lãi và tiền nợ gốc bị cáo đã thu được từ hành vi phạm tội nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về các tình tiết tăng nặng: Bị cáo Vũ Đức Minh N nhiều lần thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, trong đó có 02 lần số tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo chiếm hưởng bất hợp pháp trên 30.000.000 đồng nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

Xét thấy trước khi phạm tội, bị cáo Vũ Đức Minh N có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa phương. Bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, Hội đồng xét xử sẽ giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục theo quy định của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung và biện pháp khắc trừ thu nhập:

Xét thấy bị cáo Vũ Đức Minh N không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sẽ xử lý vật chứng của vụ án như sau:

- Đối với số tiền gốc cho vay là 50.000.000 đồng đã thu hồi được từ bị cáo Vũ Đức Minh N và từ những người vay anh Mai Khả T1, anh Phan Trung K, chị Mai Thị Thanh H: Xét thấy đây là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 8.717.000 đồng là tổng số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với các khoản cho vay của bị cáo Vũ Đức Minh N với anh Mai Khả T1, anh Phan Trung K, chị Mai Thị Thanh H, anh Trần Văn H1: Xét đây là tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí:

Bị cáo Vũ Đức Minh N bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **1. Tuyên bố bị cáo Vũ Đức Minh N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.**

*- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm b, i, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36 Bộ luật Hình sự.*

Xử phạt bị cáo Vũ Đức Minh N 09 tháng (Chín tháng) cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày Tòa án giao Quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với Vũ Đức Minh N cho Ủy ban nhân dân phường Trần Tế Xương, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định để giám sát, giáo dục theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật Thi hành án Hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Vũ Đức Minh N trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

### **2. Xử lý vật chứng:**

*- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.*

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 58.717.000 đồng (năm mươi tám triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng) (Theo biên lai thu tiền số AA/2012/01939 ngày 22-9-2020).

### **3. Án phí:**

*- Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.*

Bị cáo Vũ Đức Minh N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

### **4. Quyền kháng cáo:**

Bị cáo Vũ Đức Minh N được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Mai Khả T1, chị Mai Thị Thanh H, anh Phan Trung K, anh Trần Văn H1 (vắng mặt) có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo Vũ Đức Minh N có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND phường Trần Tế Xương, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.